



Ký bởi: Bộ Tài
nguyên và Môi trường
Email: thunh@monre.gov.vn
Cơ quan: Bộ Tài
nguyên và Môi trường
Ngày ký: 12.09.2019

Phụ lục số 01

**DANH MỤC MẪU SỔ VÀ VĂN BẢN, GIẤY TỜ
ÁP DỤNG TRONG VIỆC THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI**

(Kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính)

STT	Ký hiệu	Tên mẫu
I. Mẫu sổ		
1	Mẫu số 01/ĐK	Sổ địa chính (điện tử)
2	Mẫu số 02/ĐK	Sổ tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
3	Mẫu số 03/ĐK	Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
II. Mẫu văn bản, giấy tờ áp dụng trong thực hiện thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu		
4	Mẫu số 04a/ĐK	Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
5	Mẫu số 04b/ĐK	Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất
6	Mẫu số 04c/ĐK	Danh sách các thửa đất nông nghiệp của cùng một người sử dụng, người được giao quản lý đất
7	Mẫu số 04d/ĐK	Danh sách tài sản gắn liền với đất trên cùng một thửa đất
8	Mẫu số 05/ĐK	Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất
9	Mẫu số 06/ĐK	Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
10	Mẫu số 07/ĐK	Phiếu lấy ý kiến về việc chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
11	Mẫu số 08a/ĐK	Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo
12	Mẫu số 08b/ĐK	Thống kê các thửa đất (kèm theo Báo cáo rà soát hiện trạng quản lý, sử dụng đất)
III. Mẫu văn bản, giấy tờ áp dụng trong việc thực hiện thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		
13	Mẫu số 09/ĐK	Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất
14	Mẫu số 10/ĐK	Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
15	Mẫu số 11/ĐK	Đơn đề nghị tách thửa đất, hợp thửa đất
16	Mẫu số 12/ĐK	Thông báo về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính
17	Mẫu số 13/ĐK	Quyết định về việc gia hạn sử dụng đất của Ủy ban nhân dân



SỔ ĐỊA CHÍNH (ĐIỆN TỬ)
PHẦN ĐĂNG KÝ THỪA ĐẤT

Mẫu số 01/ĐK

Chữ ký điện tử

I - Thừa đất			
1.1	Số thửa:	1.2	Số tờ bản đồ:
1.3	Địa chỉ thửa đất:		
1.4	Diện tích (m ²):		
1.5	Tài liệu đo đạc sử dụng:		
II - Người sử dụng đất/Người được Nhà nước giao quản lý đất			
2.1	Người thứ nhất		
	- Tên:		
	- Giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân:		
	- Địa chỉ:		
2.2	Người thứ hai (ghi đối với trường hợp có nhiều người cùng sử dụng đất):		
III - Quyền sử dụng đất/Quyền quản lý đất			
3.1	Hình thức sử dụng:		
3.2	Loại đất:		
3.3	Thời hạn sử dụng:		
3.4	Nguồn gốc sử dụng:	Mã:	
3.5	Nghĩa vụ tài chính:		
3.6	Hạn chế sử dụng:		
3.7	Quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề:		
IV - Tài sản gắn liền với đất			
4.1	Tài sản thứ nhất:		
a)	Đặc điểm của tài sản:		
b)	Chủ sở hữu:		
	Hình thức sở hữu:		
	Thời hạn sở hữu:		
c)	Chủ sở hữu thứ hai:		
4.2	Tài sản thứ hai (ghi đối với trường hợp có nhiều tài sản):		
V- Tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất			
5.1	Thời điểm nhận hồ sơ đăng ký lần đầu: ngày .../.../...		
5.2	Thời điểm đăng ký vào sổ địa chính: ngày .../.../...		
5.3	Giấy tờ về nguồn gốc sử dụng, sở hữu:		
5.4	Giấy chứng nhận: Số seri:	, Số vào sổ cấp GCN:	
5.5	Hồ sơ thủ tục đăng ký số:		
VI- Thay đổi về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất			
Thời điểm đăng ký		Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	



SỔ ĐỊA CHÍNH (ĐIỆN TỬ)
PHẦN ĐĂNG KÝ CĂN HỘ, VĂN PHÒNG, CƠ SỞ
DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI TRONG NHÀ CHUNG CƯ,
NHÀ HỖN HỢP

Chữ ký điện tử

I - Tên tài sản:	
II - Thuộc nhà chung cư:	
III - Chủ sở hữu:	
3.1	Chủ sở hữu thứ nhất:
	- Tên:
	- Giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân:
	- Địa chỉ:
3.2	Chủ sở hữu thứ hai:
IV - Diện tích sàn căn hộ:	
V - Hình thức sở hữu căn hộ:	
VI - Hạng mục được sở hữu chung ngoài căn hộ:	
VII - Thời hạn sở hữu:	
VIII - Quyền sử dụng đất chung:	
8.1	Số thứ tự thửa:
8.2	Số thứ tự tờ bản đồ:
8.3	Diện tích đất sử dụng chung:
IX - Tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
9.1	Thời điểm đăng ký lần đầu: ngày .../.../...
9.2	Thời điểm đăng ký vào sổ địa chính: ngày .../.../...
9.3	Giấy chứng nhận: Số seri: _____, Số vào sổ cấp GCN: _____
9.4	Giấy tờ về nguồn gốc sử dụng, sở hữu:
	Hồ sơ đăng ký số:
X-Thay đổi về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất	
Thời điểm đăng ký	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

HƯỚNG DẪN THỂ HIỆN THÔNG TIN TRÊN SỔ ĐỊA CHÍNH ĐIỆN TỬ

I. Nguyên tắc chung

1. Sổ được lập theo từng xã, phường, thị trấn; thể hiện kết quả đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo từng thửa đất và từng đối tượng chiếm đất không tạo thành thửa đất (sau đây gọi chung là thửa đất); thông tin của mỗi thửa đất được thể hiện vào 01 trang sổ riêng.

2. Thửa đất có nhà chung cư thì ngoài việc thể hiện thông tin về thửa đất và nhà chung cư theo quy định tại điểm 1 mục này; còn phải thể hiện kết quả đăng ký theo từng căn hộ, từng văn phòng làm việc, cơ sở thương mại, dịch vụ (sau đây gọi chung là căn hộ chung cư) trong từng nhà chung cư; mỗi căn hộ chung cư được thể hiện vào 01 trang riêng.

3. Việc chỉnh lý biến động trên sổ địa chính chỉ được thực hiện đối với các trường hợp đã hoàn thành thủ tục đăng ký biến động và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai.

4. Trường hợp đăng ký biến động mà có thay đổi một trong các thông tin đã đăng ký trên sổ địa chính nhưng không hình thành thửa đất mới hoặc căn hộ mới thì cập nhật thông tin mới thay đổi vào trang đăng ký của thửa đất, căn hộ chung cư đó để thay thế thông tin cũ đã thay đổi; thông tin cũ trước khi biến động sẽ được chuyển thành thông tin lịch sử để tra cứu khi cần thiết.

Trường hợp đăng ký biến động mà hình thành thửa đất mới thì lập trang sổ địa chính mới để đăng ký cho thửa đất mới tách và thể hiện thông tin lịch sử hình thành thửa đất trên trang đăng ký của thửa mới đó.

5. Sau khi cập nhật, chỉnh lý sổ địa chính cho mỗi trường hợp đăng ký, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nơi chưa thành lập văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là cơ quan đăng ký đất đai) thực hiện việc ký (điện tử) vào góc trên bên phải của trang sổ địa chính theo thẩm quyền.

II- Đăng ký thửa đất

1. Thửa đất: để thể hiện thông tin cơ bản của thửa đất bao gồm:

1.1. Số thửa: thể hiện như quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 13; Điểm a Khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính (sau đây gọi là Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

1.2. Số tờ bản đồ: thể hiện như quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 13 và Điểm b Khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

1.3. Địa chỉ thửa đất: thể hiện như quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

1.4. Diện tích: thể hiện như quy định tại Khoản 4 Điều 13 và Khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

1.5. Tài liệu đo đạc sử dụng: thể hiện như quy định tại Khoản 5 Điều 13 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Người sử dụng đất/Người quản lý đất: Lựa chọn loại đối tượng đăng ký để thể hiện, nếu là người sử dụng đất đăng ký thì thể hiện “**Người sử dụng đất**”; nếu là người quản lý đất thì thể hiện “**Người quản lý đất**”.

2.1. Người thứ nhất:

Nội dung thông tin lần lượt thể hiện tên, giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân và địa chỉ của người đó theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 15 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2.2. Người thứ hai: được ghi đối với trường hợp thửa đất có nhiều người cùng sử dụng chung thửa đất với người sử dụng đất tại Điểm 2.1 Mục này.

Nội dung thể hiện lần lượt từng người sử dụng đất (“Người thứ hai:”; “Người thứ ba:”;...) và các thông tin về từng người như quy định đối với người sử dụng đất thứ nhất tại Điểm 2.1 Mục này.

Trường hợp thửa đất có nhiều người cùng sử dụng đất mà chưa xác định được hết tên người cùng sử dụng thì thể hiện thông tin của những người đã xác định và tại cuối của điểm này thể hiện: “*Còn một số người cùng sử dụng đất chưa xác định*”.

3. Quyền sử dụng đất/quyền quản lý đất: lựa chọn một trong hai loại quyền để thể hiện tương ứng với loại đối tượng đăng ký tại Mục 2; nếu đăng ký cho người sử dụng đất thì thể hiện “**Quyền sử dụng đất**”, nếu đăng ký cho người được Nhà nước giao quản lý đất thì thể hiện “**Quyền quản lý đất**”.

3.1. Hình thức sử dụng

Hình thức sử dụng đất được thể hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

Ví dụ: Trường hợp thửa đất có 100m², trong đó có 40m² thuộc quyền sử dụng chung của ông A và bà B; có 30m² thuộc quyền sử dụng chung của ông A và bà C; có 30m² thuộc quyền sử dụng riêng của ông A thì ghi: “40m² sử dụng chung của ông A và bà B; 30m² sử dụng chung của ông A và bà C; 30m² sử dụng riêng của ông A”.

3.2. Loại đất :

Thể hiện theo mục đích sử dụng đất được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc được Nhà nước giao quản lý; trường hợp đăng ký quyền sử dụng đất mà không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận thì thể hiện loại đất theo mục đích sử dụng hiện trạng tại thời điểm đăng ký.

Loại đất được thể hiện bằng tên theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 16 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT. *Ví dụ: Đất chuyên trồng lúa nước.*

Trường hợp thửa đất sử dụng đồng thời vào nhiều mục đích khác nhau (không phân biệt ranh giới sử dụng giữa các mục đích) thì thể hiện lần lượt các mục đích sử dụng đó. *Ví dụ: Đất chuyên trồng lúa nước; Đất nuôi trồng thủy sản.*

Trường hợp thửa đất sử dụng đồng thời vào nhiều mục đích mà trong đó có mục đích chính, mục đích phụ theo quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc theo đăng ký của người sử dụng đất thì phải ghi chú thêm “là chính” hoặc “là phụ)” trong ngoặc đơn () sau từng mục đích. *Ví dụ: Đất chuyên trồng lúa nước (là chính); Đất nuôi trồng thủy sản (là phụ).*

Trường hợp thửa đất có nhiều mục đích sử dụng khác nhau mà xác định được diện tích theo từng mục đích sử dụng thì thể hiện từng mục đích sử dụng và diện tích kèm theo. *Ví dụ: Đất ở đô thị 200m²; Đất trồng cây lâu năm 300m².*

3.3. Thời hạn sử dụng/quản lý:

Nội dung thông tin thể hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

3.4. Nguồn gốc sử dụng:

Nguồn gốc sử dụng đất được thể hiện bằng tên gọi và mã (*ký hiệu*) đối với từng loại nguồn gốc trong các trường hợp như quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

3.5. Nghĩa vụ tài chính:

Nội dung thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai thể hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 16 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

Ví dụ:

- Trường hợp đã thực hiện một phần nghĩa vụ tài chính thì thể hiện: *Tiền sử dụng đất phải nộp 350.000.000 đồng, đã nộp 200.000.000 đồng ngày 25/5/2010;*
- Trường hợp được miễn nghĩa vụ tài chính thì thể hiện: *Tiền sử dụng đất được miễn nộp theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 15/10/2011 của UBND tỉnh;*
- Trường hợp không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính thì thể hiện: *Tiền sử dụng đất không phải nộp theo quy định tại Khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai 2013;*
- Trường hợp được giảm nghĩa vụ tài chính thì thể hiện: *Tiền sử dụng đất là 300.000.000 đồng, được giảm 50% theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 15/10/2011 của UBND tỉnh, đã nộp 100.000.000 đồng ngày 15/10/2012, số tiền còn phải nộp: 50.000.000 đồng;*
- Trường hợp được nợ nghĩa vụ tài chính thì thể hiện: *Nợ tiền sử dụng đất 200.000.000 đồng theo Thông báo số 156/TB-CCT ngày 23/5/2015 của Chi cục thuế quận Bắc Từ Liêm.*
- Trường hợp được xóa nợ thì thể hiện: *Đã được xóa nợ tiền sử dụng đất theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 15/10/2012 của UBND tỉnh Lào Cai;*
- Trường hợp đã nộp đủ số tiền sử dụng đất ghi nợ thì thể hiện: *Đã nộp xong tiền sử dụng đất theo Giấy nộp tiền số 006523 ngày 23/5/2013; trường hợp ghi nợ nhưng chưa xác định số tiền nợ thì khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính thể hiện: Đã nộp xong tiền sử dụng đất số tiền nộp: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), theo Giấy nộp tiền số 006523 ngày 23/5/1998.*

3.6. Hạn chế sử dụng:

Nội dung thông tin về hạn chế quyền sử dụng đất thể hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

Ví dụ: Trường hợp trong giấy tờ về nhận thừa kế quyền sử dụng đất có nội dung hạn chế về việc không được chuyển nhượng quyền sử dụng đất: *Thửa đất chỉ được sử dụng mà không được chuyển nhượng theo văn bản thừa kế ngày 15 tháng 5 năm 2013.*

Trường hợp toàn bộ thửa đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn Quốc lộ 1A: *Thửa đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Quốc lộ 1A.*

3.7. Quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề:

Nội dung quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề thể hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 16 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

4. Tài sản gắn liền với đất

4.1. Tài sản thứ nhất

a) Tên loại tài sản

- Trường hợp nhà ở thì thể hiện loại nhà: Nhà ở riêng lẻ; Nhà chung cư;
- Trường hợp công trình xây dựng thì thể hiện tên công trình theo quyết định giao đất hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc dự án đầu tư hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy phép xây dựng của cấp có thẩm quyền;

Trường hợp công trình có nhiều hạng mục khác nhau thì lần lượt thể hiện tên từng hạng mục chính của công trình theo quyết định giao đất hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc dự án đầu tư được duyệt.

Ví dụ: Nhà làm việc A1;

Nhà xưởng chế biến gỗ.

- Trường hợp rừng sản xuất là rừng trồng thì thể hiện “Rừng sản xuất là rừng trồng”;
- Trường hợp tài sản là cây lâu năm thì thể hiện tên loại “Cây lâu năm”.

b) Đặc điểm của tài sản

Đặc điểm của tài sản thể hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

c) Chủ sở hữu tài sản thứ nhất:

- Nội dung thông tin chủ sở hữu tài sản lần lượt thể hiện tên, giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân và địa chỉ của người đó theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 15 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT;

Trường hợp chủ sở hữu tài sản đồng thời là người sử dụng đất thì thể hiện thêm: “Đồng thời là người sử dụng đất”.

Trường hợp nhà chung cư để bán hoặc bán kết hợp cho thuê thì khi đăng ký bán căn hộ đầu tiên phải thể hiện thêm: “Của các chủ sở hữu căn hộ chung cư được thể hiện chi tiết tại phần đăng ký căn hộ chung cư”.

- Hình thức sở hữu thể hiện thông tin theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT;

- Thời hạn được sở hữu thể hiện thông tin theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT;

d) Chủ sở hữu tài sản thứ hai

- Chỉ thể hiện đối với trường hợp tài sản tại điểm 4.1 của bản Hướng dẫn này có nhiều chủ cùng sở hữu;

- Nội dung thông tin của các chủ sở hữu được thể hiện lần lượt như đối với chủ sở hữu thứ nhất tại Tiết c Điểm này;

- Trường hợp tài sản có nhiều chủ cùng sở hữu tài sản mà chưa xác định được hết tên người cùng sở hữu thì thể hiện thông tin của những người đã xác định được; tại điểm cuối cùng của điểm 4.1 thể hiện: “Còn một số người khác cùng sở hữu tài sản nhưng chưa xác định được”.

4.2. Tài sản thứ hai

Thể hiện đối với trường hợp có nhiều tài sản và các thông tin được thể hiện như tài sản thứ nhất tại điểm 4.1 của bản Hướng dẫn này.

Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận mà thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản gắn liền với đất nhưng người sử dụng đất (đồng thời là chủ sở hữu tài sản) chưa có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu tài sản hoặc có đề nghị chứng nhận quyền sở hữu tài sản nhưng không đủ điều kiện chứng nhận thì tại điểm ghi về tài sản gắn liền với đất trên được thể hiện bằng dấu “-/-”. Ví dụ: “*Tài sản thứ 1: -/-*”.

5. Tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

5.1. Thời điểm nhận hồ sơ đăng ký lần đầu: thể hiện ngày tháng năm cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu hợp lệ;

5.2. Thời điểm đăng ký vào sổ địa chính: thể hiện ngày tháng năm cơ quan đăng ký nhập thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào sổ địa chính;

5.3. Giấy tờ về nguồn gốc sử dụng, sở hữu: thể hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

Các loại giấy tờ pháp lý thể hiện phải được liên kết (có đường dẫn) với hồ sơ quét.

5.4. Giấy chứng nhận: thể hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

Số seri phát hành của Giấy chứng nhận phải được liên kết (có đường dẫn) với bản lưu Giấy chứng nhận (bản quét).

5.5. Hồ sơ thủ tục đăng ký số: thể hiện số thứ tự của hồ sơ thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 30 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

Số hồ sơ đăng ký phải được liên kết (có đường dẫn) với hồ sơ quét quy định tại Khoản 4 Điều 23 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

6. Cập nhật, chỉnh lý biến động sổ địa chính được thực hiện như sau

6.1. Trường hợp biến động tách thửa để tạo thành các thửa đất mới thì tại phần “Thay đổi về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất” của trang đăng ký thửa đất trước khi tách ghi “Tách thành các thửa đất số ... (*ghi lần lượt số thứ tự thửa đất được tách ra từ thửa đất cũ*), theo hồ sơ số ... (*ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký*)”; lập trang sổ mới để đăng ký cho các thửa đất mới tách theo quy định tại các điểm 1, 2, 3, 4 và 5 Mục II của Hướng dẫn này và tại phần “Thay đổi về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất” của các trang sổ địa chính mới thể hiện “Tách từ thửa đất số... (*ghi số thửa đất trước khi tách ra*) theo hồ sơ số... (*ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký*)”.

Trường hợp tách thửa đồng thời với chuyển quyền sử dụng đất thì tại phần “Thay đổi về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất” trên trang đăng ký đối với thửa đất mới tách ghi “Nhận chuyển nhượng (*hoặc chuyển đổi, nhận thừa kế,...*) của... (*ghi tên và địa chỉ của bên chuyển quyền*); tách từ thửa đất số... (*ghi số thửa đất trước khi tách ra để chuyển quyền*) theo hồ sơ số... (*ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký*)”;

6.2. Trường hợp hợp thửa để tạo thành thửa đất mới thì tại phần “Thay đổi về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất” của trang đăng ký các thửa đất trước khi hợp thửa ghi “Hợp với thửa đất số ... , ... , ... , thành thửa đất số... theo hồ sơ số... (*ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký*)”; lập trang sổ mới để đăng ký cho thửa đất mới hợp theo quy định tại các điểm 1, 2, 3, 4 và 5 Mục II của Hướng dẫn này và tại phần “Thay đổi về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất” thể hiện “Hợp từ các thửa đất số... theo hồ sơ số... (*ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký*)”.

Trường hợp nhận chuyển quyền sử dụng đất hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất đồng thời với hợp thửa đất thì tại phần “Thay đổi về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất” trên trang đăng ký đối với thửa đất mới hợp thành ghi “*Nhận chuyển nhượng (hoặc chuyển đổi, nhận thừa kế, ... hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất)* và hợp nhất thửa đất từ các thửa số ... của... *(ghi lần lượt số thửa và tên của bên chuyển quyền)* theo hồ sơ số... *(ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký)*”.

6.3. Trường hợp đăng ký biến động mà không tạo thành thửa đất mới thì cập nhật thông tin mới thay đổi vào nội dung tương ứng trên trang đăng ký của thửa đất có biến động để thay thế các thông tin cũ theo quy định tại các điểm 1, 2, 3, 4 và 5 Mục II của Hướng dẫn này; tại phần “Thay đổi về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất” thể hiện như sau:

a) *Thời điểm đăng ký*: thể hiện thông tin ngày tháng năm cập nhật, chỉnh lý biến động vào sổ địa chính.

b) *Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý*: thể hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

III. Đăng ký căn hộ, văn phòng làm việc, cơ sở thương mại, dịch vụ trong nhà chung cư

1. Tên tài sản: Thể hiện các thông tin như quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 17 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Thuộc nhà chung cư (nhà hỗn hợp): Thể hiện các thông tin như quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 17 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

3. Chủ sở hữu: Thể hiện các thông tin như quy định tại Tiết 4.1 Mục IV của Hướng dẫn này.

4. Diện tích sàn căn hộ: Thể hiện như quy định tại Điểm d Khoản 6 Điều 17 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

5. Hình thức sở hữu căn hộ: Thể hiện như quy định tại Điểm đ Khoản 6 Điều 17 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

6. Hạng mục được sở hữu chung ngoài căn hộ: Thể hiện như quy định tại Điểm e Khoản 6 Điều 17 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

Ví dụ: *Hành lang tầng 12; lối đi tầng 1; Phòng họp cộng đồng số 203 (100 m²), cầu thang máy và các hạng mục khác theo quy định của Luật Nhà ở*

7. Thời hạn sở hữu: Thể hiện như quy định tại Điểm g Khoản 6 Điều 17 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

8. Quyền sử dụng đất chung:

8.1. Số thửa: thể hiện số hiệu của thửa đất có tòa nhà chung cư.

8.2. Số tờ bản đồ: thể hiện số hiệu tờ bản đồ địa chính nơi có thửa đất làm nhà chung cư;

8.3. Diện tích đất sử dụng chung: Thể hiện diện tích phần đất thuộc quyền sử dụng chung của các chủ sở hữu căn hộ theo quy định của pháp luật và được ghi trong hợp đồng mua bán nhà ở; đơn vị thể hiện là mét vuông (m²) làm tròn số đến một (01) chữ số thập phân.

9. Tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: Thể hiện các thông tin như hướng dẫn tại Khoản 5 Mục II của Hướng dẫn này.

10. Cập nhật, chỉnh lý biến động sổ địa chính được thực hiện như quy định đối với trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất tại Khoản 6 Mục II của Hướng dẫn này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
(Tên cơ quan tiếp nhận)

SỔ TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

TỈNH:.....Mã:

--	--

HUYỆN: Mã:

--	--	--

XÃ:.....Mã:

--	--	--	--

Quyển số:

--	--	--

.....
(Tên cơ quan tiếp nhận) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
Số:/Liên 1

I. PHẦN TIẾP NHẬN

Ngày..... tháng năm.....,.....
Nhận hồ sơ của:.....ĐT:.....
Địa chỉ:
Hồ sơ thủ tục:
Gồm các giấy tờ:
.....

Ngày hẹn trả:.....

II. PHẦN TRẢ KẾT QUẢ

Ngày..... tháng năm.....
Trả kết quả cho:.....
Địa chỉ:
Giấy chứng nhận: Số seri: Số vào sổ cấp:
Người nhận kết quả đã nộp giấy tờ (bản gốc) gồm:
.....

Người nộp hồ sơ
(Ký tên và ghi tên)

Người nhận kết quả
(Ký tên và ghi tên)

Hướng dẫn viết sổ:

1. Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm ghi đầy đủ thông tin vào Phần tiếp nhận hồ sơ của Phiếu và ký vào phần người nhận hồ sơ tại Liên 2 trước khi trao cho người nộp hồ sơ; người nộp hồ sơ ký vào Phần người nộp hồ sơ tại Liên 1.
2. Khi trả kết quả, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm ghi đầy đủ thông tin vào Phần Trả kết quả của Phiếu và ký vào phần người trả kết quả tại Liên 2; người nhận kết quả ký vào Phần người nhận kết quả tại Liên 1 và nộp lại Liên 2 cho cơ quan trả kết quả.
3. Sau khi trả kết quả, cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm lưu giữ Liên 1 và chuyển Liên 2 cùng toàn bộ giấy tờ gốc đã nhận của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản cho cơ quan đăng ký đất đai để lưu.

²⁷ Cụm từ này đã được bổ sung tại Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2015.

²⁸ Cụm từ này đã được bổ sung tại Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2015.

.....
(Tên cơ quan tiếp nhận) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
Số:/Liên 2

I. PHẦN TIẾP NHẬN

Ngày..... tháng năm.....,.....
Nhận hồ sơ của:.....ĐT:.....
Địa chỉ:
Hồ sơ thủ tục:
Gồm các giấy tờ:
.....

Ngày hẹn trả:.....

II. PHẦN TRẢ KẾT QUẢ

Ngày..... tháng năm.....
Trả kết quả cho:.....
Địa chỉ:
Giấy chứng nhận: Số seri: Số vào sổ cấp:
Người nhận kết quả đã nộp giấy tờ (bản gốc) gồm:
.....

Lưu ý: Khi nhận kết quả, phải nộp lại Phiếu này cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Người nộp²⁷ hồ sơ
(Ký tên và ghi tên)

Người nhận²⁸ kết quả
(Ký tên và ghi tên)

4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải đóng dấu treo tại phần tên cơ quan tiếp nhận và đóng dấu giáp lai vào giữa hai liên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC
GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

TỈNH:.....**Mã:**

--	--

HUYỆN:**Mã:**

--	--	--

XÃ:.....**Mã:**

--	--	--	--	--

Quyển số:

--	--	--

HƯỚNG DẪN LẬP SỔ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là sổ cấp GCN) được lập để theo dõi, quản lý việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là GCN) như sau:

1. Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh lập và quản lý sổ cấp GCN đối với các tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện lập và quản lý sổ cấp GCN đối với các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư tại nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

2. Sổ cấp GCN đối với các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư tại nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam được lập theo đơn vị hành chính cấp xã; sổ cấp GCN đối với các tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam được lập theo đơn vị hành chính cấp tỉnh.

3. Giấy chứng nhận đã ký được vào sổ cấp GCN theo thứ tự liên tiếp tương ứng với thứ tự ký cấp GCN; nội dung thông tin của hai GCN liên tiếp được chia cách bằng một đường thẳng gạch ngang bằng mực đen.

4. Các trang nội dung sổ được ghi như sau:

4.1. Cột **Số thứ tự**: ghi số thứ tự GCN được cấp tiếp theo số thứ tự của GCN đã cấp theo quy định tại Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

4.2. Cột **Tên và địa chỉ của người được cấp GCN** được ghi như trên giấy đã cấp. Trường hợp có nhiều người cùng sử dụng chung thửa đất, sở hữu chung tài sản gắn liền đất và được cấp mỗi người một Giấy thì lần lượt ghi tên và địa chỉ của từng người vào các dòng dưới kế tiếp.

4.3. Cột **Số phát hành GCN**: ghi mã và số thứ tự phát hành in ở góc dưới bên phải trang 1 của GCN.

4.4. Cột **Ngày ký GCN**: ghi ngày tháng năm ký GCN ở dạng “... / ... / ...”.

4.5. Cột **Ngày giao GCN**: ghi ngày tháng năm giao GCN cho người được cấp GCN hoặc đại diện cơ quan nhận hồ sơ và trả kết quả; hình thức thể hiện: “... /.../...”.

4.6. Cột **Họ tên, chữ ký của người nhận GCN**: Người nhận GCN là đại diện cơ quan nhận hồ sơ và trả kết quả hoặc người đại diện của tổ chức ký, ghi rõ họ tên và chức danh của người ký.

4.7. Cột **Ghi chú** để ghi chú thích đối với những trường hợp sau:

a) Trường hợp thu hồi GCN do Nhà nước thu hồi đất hoặc cấp GCN trái pháp luật thì gạch bằng mực đỏ vào dòng ghi thông tin về GCN đã hoặc thu hồi và ghi “Thu hồi GCN do... (*ghi lý do thu hồi*)” vào cột Ghi chú;

b) Trường hợp thu hồi GCN do tách thửa, hợp thửa, cấp đổi GCN; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các trường hợp khác phù hợp quy định của pháp luật ghi “Thu hồi GCN do... (*ghi lý do thu hồi*), Cấp GCN mới số:... (*ghi số vào sổ cấp GCN*)” vào cột Ghi chú;

c) Trường hợp mất GCN và cấp lại GCN mới thì gạch bằng mực đỏ vào dòng ghi thông tin về GCN đã mất và ghi “Mất GCN, cấp lại GCN mới số:... (*ghi số vào sổ cấp GCN*)” vào cột Ghi chú;

d) Nhiều người cùng sử dụng đất thì ghi “Đồng quyền sử dụng đất”; trường hợp nhiều chủ cùng sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ghi “Đồng sở hữu tài sản”;

đ) Trường hợp cấp giấy cho chủ sở hữu căn hộ chung cư thì ghi tên của nhà chung cư;

e) Trường hợp người nhận GCN là người được uỷ quyền thì phải có giấy tờ uỷ quyền và ghi chú “Được uỷ quyền theo văn bản số..., ngày..../..../....”.

Mẫu trang sổ cấp Giấy chứng nhận

Trang số:

Số thứ tự	Tên và địa chỉ của người được cấp GCN	Số phát hành GCN	Ngày ký GCN	Ngày giao GCN	Họ tên, chữ ký của người nhận GCN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
01	Hộ ông Nguyễn Văn An Số 121-Đại La, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	BA000130	12/11/2009	15/11/2009		
02	~~Ông Triệu Việt Hải~~ Số 132-Đại La, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	~~BA000131~~	~~12/11/2009~~	~~15/11/2009~~		Thu hồi GCN do Nhà nước thu hồi đất
03	-Ông Nguyễn Văn Thích Số 153-Đại La, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	BA000147	12/11/2009	16/11/2009		Đồng quyền sử dụng đất
	-Ông Nguyễn Văn Thịnh Số 153-Đại La, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	BA000148	12/11/2009	16/11/2009		
	-Bà Nguyễn Thị Hảo Số 132-Đại La, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	BA000149	12/11/2009	16/11/2009		
04	Bà Nguyễn Thị Nga Số 153 đường Đại La, phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng	BA000251	12/11/2009	16/11/2009		Nhà chung cư A15

**ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:.....

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:.....Quyển....

Ngày..... / /

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

1.1. Tên (viết chữ in hoa):.....

1.2. Địa chỉ thường trú ⁽¹⁾:

2. Đề nghị: - Đăng ký QSDĐ ☐	Đăng ký quyền quản lý đất ☐	(Đánh dấu ✓ vào ô trống lựa chọn)
- Cấp GCN đối với đất ☐	Cấp GCN đối với tài sản trên đất ☐	

3. Thửa đất đăng ký ⁽²⁾

3.1. Thửa đất số:; 3.2. Tờ bản đồ số:;

3.3. Địa chỉ tại:

3.4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

3.5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:;

3.6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:;

3.7. Nguồn gốc sử dụng ⁽³⁾:.....;

3.8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất số....., của, nội dung quyền sử dụng.....;

4. Tài sản gắn liền với đất (Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)**4.1. Nhà ở, công trình xây dựng khác:**a) Loại nhà ở, công trình ⁽⁴⁾: b) Diện tích xây dựng: (m²);

c) Diện tích sàn (đối với nhà) hoặc công suất (đối với công trình khác):

d) Sở hữu chung: m², sở hữu riêng: m²;

đ) Kết cấu:.....; e) Số tầng:

g) Thời hạn sở hữu đến:

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)

4.2. Rừng sản xuất là rừng trồng:

a) Loại cây chủ yếu:

b) Diện tích: m²;

c) Nguồn gốc tạo lập:

- Tự trồng rừng: ☐- Nhà nước giao không thu tiền: ☐- Nhà nước giao có thu tiền: ☐- Nhận chuyển quyền: ☐- Nguồn vốn trồng, nhận quyền: ☐d) Sở hữu chung: m², Sở hữu riêng: m²;

đ) Thời hạn sở hữu đến:

4.3. Cây lâu năm:

a) Loại cây chủ yếu:.....;

b) Diện tích: m²;c) Sở hữu chung:..... m²,
Sở hữu riêng:..... m²;

d) Thời hạn sở hữu đến:

5. Những giấy tờ nộp kèm theo:

6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:
Đề nghị khác :

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN⁵

(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)

1. Nội dung kê khai so với hiện trạng:
2. Nguồn gốc sử dụng đất:
3. Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:
4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất:
5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:
6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:
7. Nội dung khác :

Ngày..... tháng..... năm

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng..... năm

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)

Ngày..... tháng..... năm

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)

Ngày..... tháng..... năm

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn:

(1) Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).

(2) Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/DK).

(3) Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.

(4) Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

DANH SÁCH NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỬA ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:.....)

Sử dụng chung thửa đất ☐ ; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất ☐ (đánh dấu vào ô trống lựa chọn)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: Thuộc xã: huyện tỉnh

Số thứ tự	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất				Địa chỉ	Ghi chú	Ký tên
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Hướng dẫn:

- Mẫu này áp dụng đối với trường hợp thửa đất, tài sản gắn liền với đất của chung nhiều tổ chức hoặc nhiều hộ gia đình, cá nhân hoặc gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; trừ trường hợp đất làm nhà chung cư.

- Tên người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được ghi đầy đủ theo giấy CMND, hộ chiếu, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư; hộ gia đình phải ghi tên hai vợ chồng người đại diện

- Các cột 4, 5, 6 và 7: Ghi thông tin về Giấy CMND hoặc Hộ chiếu (đối với hộ gia đình, cá nhân); Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, GCN đầu tư (đối với tổ chức);

- Trường hợp xác định được tỷ lệ (%) hoặc diện tích thuộc quyền sử dụng, sở hữu của từng người thì ghi tỷ lệ (%) hoặc diện tích của từng người vào cột “Ghi chú”.

**DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT
CỦA CÙNG MỘT NGƯỜI SỬ DỤNG, NGƯỜI ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ**

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:.....)

Xã huyện tỉnh

[illegible]

Ghi chú: Mẫu này sử dụng cho trường hợp người sử dụng nhiều thửa đất nông nghiệp có nhu cầu cấp chung 01 GCN và trường hợp người được nhà nước giao quản lý đất đăng ký nhiều thửa đất.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

DANH SÁCH TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN CÙNG MỘT THỪA ĐẤT

(Kèm theo Đơn đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất của:.....)

Tại thửa đất số: Tờ bản đồ số: Thuộc xã: huyện tỉnh

Tên tài sản gắn liền với đất	Diện tích xây dựng hoặc diện tích chiếm đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất công trình	Hình thức sở hữu (chung, riêng)	Đặc điểm của tài sản (số tầng, cấp (hạng), kết cấu đối với nhà ở, công trình xây dựng; loại cây chủ yếu đối với rừng sản xuất và cây lâu năm)	Thời hạn sở hữu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Người kê khai

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu - nếu có)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỦA KHU DÂN CƯ
Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm, khu dân cư

.....
(ghi tên thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố; tên xã, phường, thị trấn; tên quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) đã họp để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số ... tờ bản đồ số..... tại địa chỉ(ghi tên địa danh nơi có đất) của(ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất cần xác định).

Thành phần cuộc họp gồm có:

1. Chủ trì cuộc họp: Ông (Bà). Trưởng (hoặc Phó) thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố ;
 2. Ông (Bà). Đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
 3. Ông (Bà).;
- và người (có tên dưới đây) đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích hiện nay của thửa đất nói trên.

Cuộc họp đã thống nhất xác định:

1. Nguồn gốc sử dụng thửa đất:.....

.....
(ghi cụ thể: tự khai phá, bao chiếm hoặc nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, ... từ người sử dụng đất nào, vào thời gian nào)

2. Thời điểm bắt đầu sử dụng vào mục đích đăng ký, đề nghị cấp Giấy chứng nhận từ ngày ... tháng năm....

3. Tình trạng tranh chấp đất đai:.....

.....
(ghi rõ không tranh chấp hay đang tranh chấp sử dụng đất với người sử dụng đất nào)

Những người tham gia cuộc họp cùng thống nhất ký tên dưới đây:

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Ký tên
1			
2			
3			
...			

Ngày tháng năm.....

Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chủ trì cuộc họp

(Ký, ghi rõ họ tên và chức danh của người chủ trì cuộc họp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DSTB-

DANH SÁCH CÔNG KHAI

Kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Tại xã:, huyện:, tỉnh:

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp

Danh sách này được công khai trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày.../.../..., đến ngày.../.../... Tại địa điểm:.....
Người không đồng ý với kết quả thẩm tra trên đây thì gửi đơn đến UBND xã, phường, thị trấn để giải quyết; sau thời gian trên Nhà nước sẽ không xem xét giải quyết./

Xác nhận của đại diện những người sử dụng đất về việc đã công khai danh sách này
(Ký, ghi rõ họ, tên và địa chỉ)

....., ngày tháng năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Số:

....., ngày tháng năm 20....

PHIẾU LẤY Ý KIẾN
Về việc chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Kính gửi:

Văn phòng đăng ký đất đai

Đề nghị Quý cơ quan có ý kiến về việc chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp sau đây:

I- Thông tin về chủ sở hữu và tài sản gắn liền với đất đề nghị chứng nhận quyền sở hữu

1. Tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:.....

Địa chỉ thường trú :.....

2. Tài sản gắn liền với đất do chủ sở hữu kê khai như sau:

2.1. Tên tài sản:

2.2. Địa chỉ:

2.3.

3. Giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất gửi kèm theo gồm:

II- Nội dung đề nghị có ý kiến

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Tên cơ quan:

2. Nội dung ý kiến:

....., ngày ... tháng ... năm

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

Số: /BC

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

I. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT

1. Tên tổ chức sử dụng đất:

2. Địa chỉ khu đất (ghi số tờ bản đồ, số thửa đất và tên đơn vị hành chính nơi có đất):.....

(Trường hợp khu đất có nhiều thửa đất thì lập danh sách từng thửa đất kèm theo)

3. Tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng: m²; trong đó:

3.1. Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: m²

3.2. Diện tích đất đang liên doanh liên kết sử dụng: m²

3.3. Diện tích đất đang cho thuê, cho mượn sử dụng: m²

3.4. Diện tích đất đang bị lấn, bị chiếm: m²

3.5. Diện tích đất đang có tranh chấp sử dụng: m²

3.6. Diện tích đất đã bố trí làm nhà ở cho hộ gia đình cán bộ, công nhân viên của đơn vị đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ việc theo chế độ: m²

3.7. Diện tích đất chưa sử dụng: m²

3.8. Diện tích khác: m²

4. Mục đích sử dụng đất:

4.1. Mục đích theo Quyết định giao đất, cho thuê đất:

4.2. Mục đích thực tế đang sử dụng:

- : m²

- : m²

5. Tài sản gắn liền với đất (đối với trường hợp của tổ chức):

Loại tài sản	Diện tích XD hoặc diện tích chiếm đất (m ²)	Diện tích sàn (công xuất)	Hình thức sở hữu chung, riêng	Đặc điểm của tài sản (số tầng, kết cấu, cấp hạng công trình; loại cây rừng, cây lâu năm)	Thời hạn sở hữu

II. THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT

Sử dụng từ ngày....tháng năm Thời hạn sử dụng đến ngày tháng năm

III. NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT

1. Diện tích đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất: m²

2. Diện tích đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: m²
3. Diện tích đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê một lần: m²
4. Diện tích đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê nhiều lần: m²
5. Diện tích đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê hàng năm: m²
6. Diện tích đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất:..... m²
7. Diện tích đất có nguồn gốc khác (ghi cụ thể):..... m²

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

1. Loại nghĩa vụ tài chính về đất đai đã thực hiện hoặc chưa thực hiện
 - 1.1. Tiền sử dụng đất đã nộp: đ; Số tiền còn nợ:.....đ
 - 1.2. Tiền thuê đất đã nộp: đ, tính đến ngày ... /... /.....,
 - 1.3. Thuế chuyển quyền SDD đã nộp:.....đ; Số tiền còn nợ: đ
 - 1.4. Lệ phí trước bạ đã nộp:.....đ; Số tiền còn nợ: đ
- Cộng tổng số tiền đã nộp: đ; Số tiền còn nợ: đ
2. Số tiền đã thanh toán có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước: đ
(Bằng chữ:.....)

V. GIẤY TỜ VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT HIỆN CÓ

1.
2.
3.

VI. KIẾN NGHỊ

1. Diện tích đất đề nghị được tiếp tục sử dụng :..... m²
2. Diện tích đất bàn giao cho địa phương quản lý: m²
3. Hình thức sử dụng đất lựa chọn (đối với đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp):.....
(Chọn một trong các hình thức: giao đất có thu tiền, thuê đất trả tiền một lần, thuê đất trả tiền hàng năm theo quy định của pháp luật).
4. Kiến nghị giải pháp xử lý đối với diện tích đất bị lấn, bị chiếm; đang cho thuê, cho mượn trái phép, tranh chấp; diện tích đất đã bố trí làm nhà ở cho cán bộ và nhân viên:.....
.....

Cam đoan nội dung báo cáo trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã báo cáo.

Kèm theo báo cáo có các giấy tờ sau đây:

- Trích lục bản đồ địa chính (hoặc bản trích đo địa chính khu đất quản lý, sử dụng);
- Thống kê các thửa đất đang sử dụng (nếu có nhiều thửa đất);
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất hiện có (bản sao hoặc bản gốc).

Đại diện của tổ chức sử dụng đất
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

.....

(Kèm theo Báo cáo rà soát hiện trạng quản lý
sử dụng đất số ngày tháng năm.....)

Mẫu số 08b/ĐK

[illegible]

Ghi chú: Mẫu này lập cho toàn bộ diện tích đất của tổ chức và lập theo thứ tự từng tờ bản đồ, từng thửa đất;

Cột 5: ghi tên người đang sử dụng do thuê, mượn đất, lấn chiếm đất, được phân làm nhà ở;

Cột 6: ghi rõ hình thức “Thuê đất” hoặc “Mượn đất, lấn chiếm đất, được phân làm nhà ở,...”.

Cột 8: đối với công trình xây dựng thì ghi diện tích xây dựng; đối với cây rừng và cây lâu năm thì ghi diện tích có cây và loại cây chủ yếu

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện của tổ chức sử dụng đất
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

**ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG
ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠĐã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng,
thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:.....Quyển....

Ngày..... / /

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên (viết chữ in hoa):

1.2. Địa chỉ⁽¹⁾:**2. Giấy chứng nhận đã cấp**

2.1. Số vào sổ cấp GCN:.....; 2.2. Số phát hành GCN:.....;

2.3. Ngày cấp GCN ... / ... /;

3. Nội dung biến động về:

3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động:

-.....;
.....;
.....;
.....;
.....;
.....;

3.2. Nội dung sau khi biến động:

-.....;
.....;
.....;
.....;
.....;**4. Lý do biến động**.....
.....**5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động**.....
.....
.....**6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:**

- Giấy chứng nhận đã cấp;

.....
.....

³ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2017.

Tôi ☐ có nhu cầu cấp GCN mới ☐ không có nhu cầu cấp GCN mới

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày ... tháng năm...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng và đối với trường hợp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản vào Giấy chứng nhận đã cấp)

.....
.....
.....

Ngày..... tháng..... năm

Công chức địa chính
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm

TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....
.....
.....
.....

Ngày..... tháng..... năm

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ngày..... tháng..... năm

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)

.....
.....

Ngày..... tháng..... năm

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ngày..... tháng..... năm

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên, đóng dấu)

Chú ý:

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

- Đối với trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “dồn điền đổi thửa”; chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; trường hợp xác nhận thay đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ vào Giấy chứng nhận thì không kê khai, không xác nhận các thông tin tại Điểm 5 của mục I, các mục II, III và IV của Đơn này.

- Đối với trường hợp xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận thì không kê khai, không xác nhận các thông tin tại Điểm 5 của Mục I, các mục II và IV của Đơn này.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở
VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:.....Quyển....

Ngày..... / /

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Kính gửi:

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên (viết chữ in hoa):

1.2. Địa chỉ⁽¹⁾:

2. Giấy chứng nhận đã cấp đề nghị được cấp lại, cấp đổi

2.1. Số vào sổ cấp GCN:.....; 2.2. Số phát hành GCN:.....;

2.3. Ngày cấp GCN: / /

3. Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:

4. Thông tin thửa đất có thay đổi do đo đạc lại (kê khai theo bản đồ địa chính mới)

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Nội dung thay đổi khác

4.1. Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp:

- Thửa đất số:
- Tờ bản đồ số:
- Diện tích: m²
-
-

4.2. Thông tin thửa đất mới thay đổi:

- Thửa đất số:
- Tờ bản đồ số:
- Diện tích: m²
-
-

5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)

Loại tài sản	Nội dung thay đổi

5.1. Thông tin trên GCN đã cấp:

- Loại tài sản:
- Diện tích XD (chiếm đất): m²;
-
-
-

5.2. Thông tin có thay đổi:

- Loại tài sản:
- Diện tích XD (chiếm đất): m²;
-
-
-

6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo

- Giấy chứng nhận đã cấp;

.....
.....
.....
.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm.....

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)

Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:.....

.....

Ngày..... tháng..... năm

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng..... năm

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....
.....
.....
.....

(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).

Ngày..... tháng..... năm

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)

Ngày..... tháng..... năm

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp. Trường hợp có thay đổi thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TÁCH THỬA ĐẤT, HỢP THỬA ĐẤT

Kính gửi:.....

.....

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ
số:.....Quyền.....

Ngày..... / /

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

(Xem kỹ hướng dẫn ở cuối đơn này trước khi viết đơn; không tẩy xóa, sửa chữa nội dung đã viết)

1. Người sử dụng đất:

1.1 Tên người sử dụng đất (Viết chữ in hoa):.....

1.2 Địa chỉ:.....

2. Đề nghị tách, hợp thửa đất như sau:

2.1. Đề nghị tách thành thửa đất đối với thửa đất dưới đây:

a) Thửa đất số:.....; b) Tờ bản đồ số:.....;

c) Địa chỉ thửa đất:.....

d) Số phát hành Giấy chứng nhận:

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận :.....; ngày cấp/...../.....

đ) Diện tích sau khi tách thửa: Thửa thứ nhất:... m²; Thửa thứ hai:... m²;

2.2. Đề nghị hợp các thửa đất dưới đây thành một thửa đất:

Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Số phát hành Giấy chứng nhận	Số vào sổ cấp giấy chứng nhận

3. Lý do tách, hợp thửa đất:.....

4. Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của thửa đất trên;

- Sơ đồ dự kiến phân chia các thửa đất trong trường hợp tách thửa (nếu có):.....

.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng.

....., ngày tháng năm.....

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
Ngày..... tháng..... năm Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày..... tháng..... năm Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn viết đơn:

- Đơn này dùng trong trường hợp người sử dụng đất đề nghị tách một thửa đất thành nhiều thửa đất mới hoặc đề nghị hợp nhiều thửa đất thành một thửa đất;

- Đề gửi đơn: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì đề gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất; tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì đề gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất;

- Điểm 1 ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất gồm các thông tin như sau: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân nước ngoài ghi họ, tên, năm sinh, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp hộ chiếu, quốc tịch; đối với hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông/bà” và ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của cả vợ và chồng người đại diện cùng sử dụng đất; trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của vợ và của chồng; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Điểm 2 ghi các thông tin về thửa đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất;

- Người viết đơn ký và ghi rõ họ tên ở cuối “Phần khai của người sử dụng đất”; trường hợp ủy quyền viết đơn thì người được ủy quyền ký, ghi rõ họ tên và ghi (được ủy quyền); đối với tổ chức sử dụng đất phải ghi họ tên, chức vụ người viết đơn và đóng dấu của tổ chức.

**SỞ (PHÒNG) TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-VPĐKĐĐ

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính

Kính gửi:

Văn phòng đăng ký đất đai thông báo việc chỉnh lý bản sao hồ sơ địa chính của xã
..... như sau:

1. Thửa đất biến động:

Trước khi biến động			Sau khi biến động			
Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Nội dung biến động

2. Lý do thay đổi:

.....

3. Các tài liệu của hồ sơ địa chính cần được cập nhật, chỉnh lý gồm:

.....

4. Kèm theo Thông báo này có các giấy tờ sau đây:

- Bản sao trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thể hiện đường ranh giới khu vực thửa đất có thay đổi (nếu có).

-

-

Đề nghị cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /QĐ-UBND

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn sử dụng đất

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường tại số ngày..... tháng năm ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép..... (ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất) đang sử dụng thửa đất số..... thuộc tờ bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số..... tại xã (phường, thị trấn)....., huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)....., tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương)..... mục đích sử dụng.....

Được gia hạn sử dụng đất đến ngày..... tháng năm

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Ký hợp đồng thuê đất bổ sung với người sử dụng đất (đối với trường hợp thuê đất),

2. Chỉ đạo cơ quan đăng ký đất đai chỉnh lý và trao giấy chứng nhận cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định; chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân..., Giám đốc Sở (Trưởng phòng) Tài nguyên và Môi trường, ... và người sử dụng đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-
- Lưu VT...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)